

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/DS-ST.

Ngày: 09/8/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát.
2. Ông Nguyễn Thành Lễ.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kế X, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

* Bị đơn: 1. Bà Phan Minh T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố NP, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Kế X trình bày:

Giữa ông X và ông H, bà T có quan hệ hàng xóm quen biết nhau. Ông X có

cho ông H, bà T cùng tham gia hụi 1.000.000 đồng khui ngày 24/3/2017 (âm lịch 27/2/2017) đến tháng 2/2019 mãn hụi, gồm 25 phần, bà T và ông H tham gia 1 phần, hốt đầu được số tiền 16.540.000 đồng, sau đó bà T đóng được 10 lần hụi chết, ông H chưa đóng lần nào, hiện nay ông H, bà T còn nợ lại 14 lần số tiền 14.000.000 đồng, trong đó ông H nợ 12.000.000 đồng, bà T nợ 2.000.000 đồng, ông đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H, bà T không trả số tiền còn nợ. Nay ông yêu cầu ông H, bà T trả số tiền còn nợ cho ông, cụ thể ông H trả số tiền 12.000.000 đồng, bà T trả số tiền 2.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Minh T trình bày: Do mối quan hệ quen biết, bà có mượn ông X số tiền 10.000.000 đồng là mượn tiền cá nhân của bà, do không có khả năng trả nợ nên bà có tham gia hụi do ông X làm chủ thảo, hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 24/3/2017 (âm lịch ngày 27/02/2017) đến tháng 2/2019 mãn hụi, gồm 25 phần, mỗi tháng đóng 1 lần, bà tham gia 1 phần, hốt đầu được 16.540.000 đồng, số tiền này bà đã trả tiền mượn cho ông X 10.000.000 đồng và đóng lãi 5.000.000 đồng, còn lại bà nhận 1.540.000 đồng. Vì ông X thấy bà và ông H là bạn bè quen biết thân thiết nên ông X nói ông H phải đồng ý ký tên vào giấy nhận hụi thì ông X mới đồng ý cho bà hốt hụi, do đó ông H đồng ý ký tên để bà được hốt hụi trả cho ông X. Vì vậy khi giao nhận tiền hụi, bà và ông H có ký giấy nhận hụi với ông X vào ngày 24/3/2017, giấy do ông X viết, bà và ông H đọc lại và ký tên. Hàng tháng ông H có đưa cho bà mỗi tháng 500.000 đồng để phụ cùng bà đóng hụi cho ông X, bà là người trực tiếp giao tiền hụi cho ông X, mỗi lần giao 1.000.000 đồng, gồm 500.000 đồng là tiền của bà và ông H đưa cho bà 500.000 đồng, đóng được 10 lần số tiền 10.000.000 đồng đến khoảng tháng 9/2018 thì bà bị bệnh không có thu nhập, không có khả năng đóng tiếp nên ngưng không đóng nữa. Sau đó ông X có đến đòi, do không có khả năng nên bà hứa khi nào hết bệnh đi làm sẽ trả nhưng ông X không đồng ý, hai bên cự cãi, ông X cũng không đến đòi nữa mà khởi kiện bà và ông H đến Tòa án. Nay bà thừa nhận số tiền nợ hụi này là do bà nợ ông X, thừa nhận bà và ông H có ký giấy nhận tiền hụi, nên bà và ông H còn nợ ông X 14 lần hụi chết số tiền 14.000.000 đồng, bà đồng ý cùng ông H trả cho ông X số tiền là 14.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng và xin không đóng lãi.

Đối với yêu cầu của ông X là ông H trả 12.000.000 đồng, bà trả 2.000.000 đồng là không đúng vì trong 10 lần bà đem tiền đóng cho ông X thì ông H đều đưa cho bà 500.000 đồng để bà đóng cho ông X, vì ông H đi làm nên không thể trực tiếp đưa cho ông X, nay bà và ông H cùng trả số tiền nợ còn lại, hàng tháng ông H vẫn tiếp tục đưa bà 500.000 đồng để cùng bà trả cho ông X. Tại phiên tòa bà T xác định ông H có đưa tiền cho bà đóng hụi cho ông X nhưng chỉ đưa được 3 lần số tiền

1.500.000 đồng

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019 như sau: Giữa ông và bà T có mối quan hệ bạn bè quen biết, do bà T than khổ nhờ giúp đỡ, ông đồng ý nên ông có ký tên trong giấy nhận hui ngày 24/3/2017 để bà T được hót hui của ông X, ông có ký tên H, không biết ghi họ tên. Sau đó ông đưa cho bà T số tiền 3.000.000 đồng để bà T trả nợ và hàng tháng đưa cho bà T mỗi tháng 500.000 đồng, bà T chịu 500.000 đồng thành 1.000.000 đồng để đóng tiền hui cho ông X, ông đưa được 6 lần, tổng cộng 3.000.000 đồng. Ông trực tiếp giao tiền cho bà T và có nói tiền để đóng hui cho ông X, nhắc nhở bà T phải đóng hui cho ông X đừng để xảy ra cự cãi, xô xát, còn việc bà T có đóng cho ông X như thế nào thì ông không biết. Ngoài tổng số tiền 6.000.000 đồng đã đưa cho bà T, ông không có đưa số tiền nào khác, còn việc bà T tham gia chơi hui, hót hui và cản trừ nợ với ông X như thế nào thì ông không biết. Nay hoàn cảnh ông khó khăn, không có khả năng giúp đỡ bà T nữa nên ông không đồng ý cùng bà T trả số tiền bà T còn nợ cho ông X.

Tại phiên tòa, ông X xác định yêu cầu bà T, ông H cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền 14.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà T đồng ý trả nhưng Xn trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ông H vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về hui; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kế X, buộc bà Phan Minh T và ông Huỳnh Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả cho ông X số tiền nợ hui là 14.000.000 đồng. Ghi nhận ông X không yêu cầu tính lãi suất. Và bà T, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Ngọc H vắng mặt Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kế X, quá trình giải quyết vụ án ông X yêu cầu bà T, ông H trả số tiền 14.000.000 đồng của dây hụi khai ngày 24/3/2017 (âm lịch ngày 27/02/2017), hụi mẫn ngày 24/2/2019, cụ thể ông H trả số tiền 12.000.000 đồng, bà T trả số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông X yêu cầu ông H, bà T cùng có trách nhiệm trả số tiền 14.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Tại phiên tòa, bà T đồng ý cùng ông H có trách nhiệm trả cho ông X số tiền nợ 14.000.000 đồng.

Xét thấy chứng cứ vụ án: Căn cứ vào giấy nhận hụi ngày 24/3/2017 (Âm lịch 27/2/2017), nội dung thể hiện: Ông H và bà T có hốt của ông X 01 dây hụi 1 triệu đồng, gồm 25 phần, hụi khai ngày 24/2/2017 âm lịch, số tiền 16.540.000 đồng, hàng tháng ông H và bà T có trách nhiệm đóng lại cho ông X số tiền 1 triệu đồng; ông X khai sau khi hốt hụi bà T đóng cho ông 10 lần số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại 14 lần số tiền 14.000.000 đồng, ông X cung cấp bản chính giấy nhận hụi ngày 24/3/2017 (Âm lịch 27/2/2017). Bà T thừa nhận chữ ký trong giấy nhận hụi là của bà và ông H, còn ông H thừa nhận chữ ký của ông nhưng khi ký ông không có ghi họ và tên, ông không yêu cầu giám định, do đó có cơ sở xem xét chứng cứ là hợp pháp, là cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với việc ông Nguyễn Kế X yêu cầu bà Phan Minh T và ông Huỳnh Ngọc H cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ 14.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận có tham gia hụi do ông X làm chủ thảo, xác định bà và ông H có ký giấy nhận tiền hụi ngày 24/3/2017 (Âm lịch 27/2/2017). Sau khi hốt hụi, mỗi tháng ông H có đưa tiền 500.000 đồng để bà đóng hụi cho ông X, đóng được 10 lần số tiền 10.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa. Tại phiên tòa bà T xác định ông H đưa được 3 lần tổng cộng 1.500.000 đồng. Nay bà và ông H còn nợ ông X 14 lần hụi chết số tiền 14.000.000 đồng, bà đồng ý cùng ông H trả cho ông X số tiền là 14.000.000 đồng. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019, ông H xác định vì muốn giúp đỡ bà T nên ông có ký tên trong giấy nhận hụi ngày 24/3/2017 (âm lịch ngày 27/02/2017) nhưng không có ghi tên. Hàng tháng ông có đưa cho bà T 500.000 đồng để đóng tiền hụi cho ông X, đưa được 6 lần mỗi lần 500.000 đồng, tổng cộng 3.000.000 đồng, nay hoàn cảnh khó

khẩn nên ông không đồng ý cùng bà T trả số tiền còn nợ cho ông X. Ngoài ra, trong giấy nhận hối ngày 24/3/2017 (âm lịch ngày 27/02/2017) giữa bà T và ông H không thể hiện rõ mỗi người nhận phần hối bao nhiêu. Do đó, có cơ sở xác định bà T và ông H cùng tham gia hối 1.000.000 đồng ngày 24/3/2017 (âm lịch ngày 27/02/2017), tham gia 1 phần, hiện nay còn nợ lại 14 lần số tiền 14.000.000 đồng nên cần xem xét bà T, ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông X số tiền còn nợ 14.000.000 đồng

[4] Việc bà T đồng ý trả số tiền còn nợ 14.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, tại phiên tòa ông Xi đồng ý cho bà T trả dần, do ông H vắng mặt, không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Kế X không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X buộc bà T, ông H có trách nhiệm liên đới trả cho ông X số tiền 14.000.000 đồng, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kế X buộc bà Phan Minh T và ông Huỳnh Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông X số tiền 14.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án bà T, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, ông X không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về hối; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kế X đối với bà Phan Minh T, ông Huỳnh Ngọc H.

Buộc bà Phan Minh T và ông Huỳnh Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Kế X số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

Ghi nhận ông Nguyễn Kế X không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí:

Bà Phan Minh T và ông Huỳnh Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Kế X tiền tạm ứng án phí đã nộp 350.000 (Ba trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0006449 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh TN;
- VKSNDTP. TN;
- CCTHADSTP. TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thái Thanh Thủy